

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số 25 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 15/ 8/ 2019

(V/v T/ c Hôn nhân và gia đình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

-Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh, ông Nguyễn Thành Loan.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận -Thư ký TAND H. Hiệp Hòa.

-Đại diện Viện KSND H. Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên

Ngày 15/ 8/ 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/ 2019/ TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc " Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXX- ST ngày 04 / 7/ 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị B - SN 1964 (Có mặt).

2/ Bị đơn : Ông Nguyễn Văn B2 - SN 1960 (Có mặt) .

Cùng HKTT và nơi cư trú : Thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, H. Hiệp Hòa, T. Bắc Giang .

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị B trình bày: Bà B và ông B2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa năm 1983 . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ngay, hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn do ông B2 hay đánh chửi bà B. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng ly thân từ tháng 7/ 2018 đến nay . Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Nay bà B thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn ông B2

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Hương- SN 1984, Nguyễn Thị Hạnh- SN 1987, Nguyễn Thị Quy- SN 1989 và Nguyễn Thị Quyên- SN 2000 đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết..

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ , công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử bà B yêu cầu Tòa án không hòa giải với ông B2.

2/ Bị đơn là ông Nguyễn Văn B2 tại bản tự khai và phiên tòa trình bày: Bà B và ông B2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa năm 1983. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ngay, hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn do ông B2 nghi ngờ bà B có quan hệ ngoại tình; bà B còn vài lần chửi ông B2. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên ly thân từ tháng 7/ 2018 đến nay. Từ khi ly thân mặc dù mỗi người sống một nơi; ông B2 thấy tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên bà B yêu cầu ly hôn thì ông B2 không đồng ý vì xấu hổ với hàng xóm và họ hàng. Nếu ly hôn thì ông B2 phải là nguyên đơn chứ không muốn bà B là nguyên đơn.

-Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Hương- SN 1984, Nguyễn Thị Hạnh- SN 1987, Nguyễn Thị Quy- SN 1989 và Nguyễn Thị Quyên- SN 2000 đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, công sức và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1/ Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông B2 có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa năm 1983; mặc dù Ủy ban nhân dân xã Mai Trung xác nhận không còn lưu giữ được Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1984 trở về trước, đương sự cũng không lưu giữ được Giấy đăng ký kết hôn, tuy nhiên bà B, ông B2 chung sống với nhau trước ngày 03/ 1/ 1987 nên theo quy định tại điểm a, khoản 3, Nghị quyết số 35/ 2000 / NQ- QH 10 ngày 09/ 6/ 2000 của Quốc hội thì coi là hôn nhân hợp pháp và xử lý theo thủ tục ly hôn chung. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo điều 51- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bà B và ông B2 phát sinh mâu thuẫn như bà B trình bày do ông B2 hay đánh chửi bà B. Mặc dù ông B2 trình bày không đánh chửi bà B và mâu thuẫn do nghi ngờ bà B ngoại tình nhưng thực tế là vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng phải ly thân, bà B đã về nhà bố mẹ ruột sinh sống từ tháng 7/ 2018 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Bà B yêu cầu không hòa giải và tại phiên tòa hôm nay vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn ông B2, ông B2 cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông B2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị Hương- SN 1984, Nguyễn Thị Hạnh- SN 1987, Nguyễn Thị Quy- SN 1989 và Nguyễn Thị Quyên- SN 2000 đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, nợ, công sức và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như

việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng các điều 51,56 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147; 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử :

Quan hệ hôn nhân : Bà B được ly hôn ông B2.

Về con chung: Không giải quyết.

Tài sản chung, nợ , công sức và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.

Án phí sơ thẩm : Bà B phải chịu án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng điểm a, khoản 3, Nghị quyết số 35/ 2000 / NQ- QH 10 ngày 09/ 6/ 2000 của Quốc hội ; các điều 51, điều 56 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các điều 147; điều 271 và điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án :

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B được ly hôn ông Nguyễn Văn B2.

Về con chung: Không giải quyết.

Tài sản chung, tài sản riêng, nhà ở, quyền sử dụng đất các loại, nợ , công sức và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/ 2017/ 0000259 ngày 14/ 5/ 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

2/ Ông B2, bà B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND T, BG
- VKSNDH. Hiệp Hòa
- THADSH. Hiệp Hòa,
- Đường sự,
- UBND xã Mai Trung.
- Lưu

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên